

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐIỆN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐIỆN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107943399

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 4, Ngõ 2, Tổ dân phố Nhật Tảo 4, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên<br>- Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên;<br>- Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; - Nghiên cứu và phát triển khoa học y khoa;<br>- Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; - Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;<br>- Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên. | 7210     |
| 2.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759     |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312     |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3319     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;<br>+ Đập và đê;<br>- Xây dựng đường hầm;                                                                                                                                                                                                                                          | 4290 |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020 |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ toà nhà, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,<br>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời; | 4390 |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 15. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7010 |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết : - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.                                                                                                                                                                        | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 18. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4541        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                       | 4649        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; | 4659(Chính) |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 23. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7120        |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4530        |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 26. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4220        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.                                                                                                                                                                                                                                                          | 5229        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663        |
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741        |
| 30. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4513        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                              | 4512 |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 35. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: - Cho thuê ô tô; - Cho thuê xe có động cơ;                                                                                                                                                            | 7710 |
| 36. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 37. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                           | 4322 |
| 39. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; | 4329 |
| 40. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                   | 3320 |
| 41. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                     | 4100 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 43. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                          | 4932 |
| 44. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                       | 4511 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ TỎ UYÊN | Số 50 khu A, TT công ty CPXD số 4 Thăng Long, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 800.000.000           | 80,000    | 013449724                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐINH VĂN HƯỜNG     | Thôn Trung Cường, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                         | 200.000.000           | 20,000    | 163385491                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013449724

Ngày cấp: 05/08/2011

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 50 khu A, TT công ty CPXD số 4 Thăng Long, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 4, Ngõ 2, Tổ dân phố Nhật Tảo 4, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội